TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1126/2018/QĐ-VDS	*Thủ Đức, ngày 02 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 976/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", giữa:

Người yêu cầu: Bà Trần Thị X, sinh năm 1984
Địa chỉ: Số 206 Đường B, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và: Ông Trần Văn T, sinh năm 1985
Địa chỉ: Số 206 Đường B, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107 và Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị X và ông Trần Văn T (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 172, quyển số 01.003 do Uỷ ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh B cấp ngày 30 tháng 12 năm 2005).

2. Công nhận sự thoả thuận của đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà Trần Thị X và ông Trần Văn T thống nhất thỏa thuận giao con chung tên Trần Thị Ngọc A (nữ), sinh ngày 26/12/2006 cho bà Trần Thị X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Thi hành vào ngày 20 hàng tháng, thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền, bắt đầu thi hành từ tháng 10/2018.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực và người có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ số tiền trên cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự trên số tiền gốc và khoảng thời gian chậm thi hành án.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về lệ phí: Lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Trần Thị X, ông Trần Văn T có nghĩa vụ nộp, nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Trần Thị X, ông Trần Văn T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0022527 ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THA DS Q.Thủ Đức;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hoàng Hữu Thanh